ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 283 /QĐ-SYT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng do bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 8972/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 8973/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 10223/HCM-GPHĐ do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2024 cho Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng do bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ số 20 đường TA16, khu phố 2, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng do bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại hồ sơ H29.19-240222-0001 ngày 29 tháng 02 năm 2024;

Scanned with CamScanner

Theo đề nghị của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật - Sở Y tế tại Biên bản ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng do bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng do bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ 20 đường TA16, khu phố 2, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (danh mục kỹ thuật đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng và bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic Trung Dũng và bác sĩ Trần Thị Hồng Ny chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng Y tế Quận 12;
- Thanh tra Sở Y tế;
- Cổng Thông tin Điện tử SYT;
- Lưu: VT, NVY (ĐVN).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * SỞ Y TẾ * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Dũng

Scanned with CamScanner

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA MEDIC TRUNG DŨNG DO BÁC SĨ TRẦN THỊ HỒNG NY CHỊU TRÁCH NHIỆM CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: 283 /QĐ-SYT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Sở Y tế TP. HCM)

TT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
	1	2	3			
		CHƯƠNG I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
2.	28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
3.	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
4.	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
5.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	
6.	59	Thở ôxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
7.	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
8.	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
9.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
10.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
11.	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
12.	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x		
13.	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
14.	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỌC MÁU				
15.	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang (sonde tiểu)	x	x	x	x

Scanned with CamScanner

		Đ. TIÊU HOÁ				
16.	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
17.	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
18.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
19.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ *(chỉ thực hiện trong trường hợp cấp cứu)*	x	x	x	x
20.	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
21.	264	Tắm cho bệnh nhân tại gường	x	x	x	x
22.	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
23.	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
24.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
25.	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
26.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
27.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
		G. XÉT NGHIỆM				
28.	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
		H. THĂM DÒ KHÁC				
29.	308	Siêu âm cấp cứu tại giường	x	x	x	
		CHƯƠNG II. NỘI KHOA				
		A. HÔ HẤP				
30.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
31.	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
32.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
33.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
		B. TIM MẠCH				
34.	85	Điện tim thường	x	x	x	x
		C. THẦN KINH				
35.	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
36.	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
37.	164	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường	x	x	x	

Scanned with CamScanner

		D. THẬN TIẾT NIỆU				
38.	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
39.	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
40.	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	
		CHƯƠNG III. NHI KHOA				
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
41.	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
42.	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
43.	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
44.	70	Siêu âm màng phổi	x	x		
45.	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	x	x	x	
46.	87	Theo dõi độ bảo hòa ô xy (SPO_2) liên tục tại giường	x	x	x	
47.	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	
48.	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	x	x	x	
49.	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
50.	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
51.	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
52.	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
53.	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x
54.	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
55.	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỌC MÁU				
56.	133	Thông tiểu *(chỉ thực hiện ở trẻ em lớn)*	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA				
57.	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
58.	188	Siêu âm đen trắng tại giường	x	x	x	

Scanned with CamScanner

59.	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
60.	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
61.	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
62.	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
		VIII. BỎNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG	x	x	x	
63.	1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu	x	x	x	x
		XIII. NỘI KHOA				
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
64.	2389	Tiêm bắp thịt *(chỉ thực hiện trong trường hợp cấp cứu)*	x	x	x	x
65.	2390	Tiêm tĩnh mạch *(chỉ thực hiện trong trường hợp cấp cứu)*	x	x	x	x
66.	2391	Truyền tĩnh mạch *(chỉ thực hiện trong trường hợp cấp cứu)*	x	x	x	x
		CHƯƠNG XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
67.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
68.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
69.	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
70.	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
71.	11	Siêu âm màng phổi	x	x		
72.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
73.	13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
74.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
75.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
76.	17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	x	x		
77.	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	

Scanned with CamScanner

78.	19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	x	x		
79.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
80.	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
81.	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
82.	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
83.	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
84.	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
85.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay…)	x	x		
86.	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ…)	x	x		
		7. Siêu âm tuyến vú				
87.	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
88.	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên	x	x		
89.	59	Siêu âm dương vật	x	x		
		CHƯƠNG XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
90.	101	Xét nghiệm hồng cầu tự tan	x	x		
		C. TẾ BÀO HỌC				
91.	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
92.	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
		CHƯƠNG XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
93.	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	x
94.	7	Định lượng Albumin	x	x	x	x
95.	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x	x
96.	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	x
97.	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
98.	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	

Scanned with CamScanner

99.	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
100.	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
101.	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
102.	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
103.	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
104.	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
105.	60	Định lượng Ethanon (cồn)	x	x		
106.	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
107.	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
108.	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
109.	84	Định lượng LDH - C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
110.	111	Đo hoạt động HDL (lactat dehydrogennase)	x	x	x	
111.	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
112.	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
113.	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
114.	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	x
115.	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	x
116.	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	x
117.	187	Định lượng Glucose	x	x	x	x
118.	205	Định lượng Ure	x	x	x	x

Scanned with CamScanner